

THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Minh Triết^{1,+},
Trần Lương²,
Nguyễn Thị Bích Phượng²

¹Học viên cao học khoá 27, Trường Đại học Cần Thơ;

²Trường Đại học Cần Thơ

+ Tác giả liên hệ • Email: minhtrietthoibinh1@gmail.com

Article history

Received: 20/5/2022

Accepted: 18/6/2022

Published: 05/8/2022

Keywords

Teaching facilities, adequacy of teaching facilities, Primary school, General education program

ABSTRACT

Renovation of teaching facilities is an integral part of the fundamental and comprehensive education reform in Vietnam today. The current state of teaching facilities at primary schools in Ninh Kieu District, Can Tho City is still an unanswered question. Therefore, the study assesses the current quantity and quality of teaching facilities in primary schools in Ninh Kieu District, Can Tho City to lay a foundation for proposing appropriate measures to improve the quality and efficiency of using teaching tools in primary schools. A survey questionnaire was distributed to 40 managers and 150 teachers at primary schools in Ninh Kieu District, Can Tho City. The results show that: the current quantity of teaching facilities in primary schools can only fulfil a part of the actual needs; some were unsatisfactory scientifically and economically due to the insufficient durability, low service life, and high maintenance costs. This is the basis for proposing measures to improve the quantity and quality of teaching facilities in primary schools.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã chính thức được triển khai từ năm học 2020-2021. Để thực hiện lộ trình của Bộ GD-ĐT, ngành Giáo dục đang tích cực tiến hành công tác chuẩn bị, đảm bảo các điều kiện triển khai chương trình hiệu quả, chất lượng, trong đó chú trọng đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất nói chung và phương tiện dạy học (PTDH) nói riêng. PTDH là một trong những thành tố góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Mức độ đáp ứng của PTDH tại các cơ sở giáo dục hiện nay như thế nào là vấn đề cần được nghiên cứu.

Hiện nay đã có một số công trình nghiên cứu về PTDH trong hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học của HS. Lillard (2014) cho rằng PTDH (giáo cụ) cho trẻ ở độ tuổi tiểu học được thiết kế để phát triển những khái niệm trừu tượng đã được hình thành ở trẻ trong giai đoạn trước đó, đồng thời giúp cho các em có thể khám phá sự vật ở mức độ cao hơn khi thực hiện với đôi bàn tay thông qua những PTDH. Lê Thị Cẩm Nhung (2019), Trần Lương và Bùi Thị Mùi (2018), Nguyễn Thu Tuấn (2010) đã đưa ra khái niệm về PTDH. Lê Huy Hoàng (2008) phân loại PTDH theo tính chất, cách sử dụng và theo mức độ chế tạo PTDH. Tô Xuân Giáp (1998) xác định các yêu cầu đối với PTDH phải đảm bảo tính khoa học sư phạm, tính nhân trắc học, tính thẩm mỹ, tính khoa học kỹ thuật và tính kinh tế. Hà Văn Quỳnh (2020) đã phát hiện một số hạn chế trong công tác quản lý và sử dụng thiết bị dạy học ở trường phổ thông, trong đó có nêu thực trạng về số lượng và chất lượng của thiết bị dạy học. Tuy nhiên, tác giả chỉ đánh giá chung khi cho rằng thiết bị dạy học được trang bị theo danh mục tối thiểu tương đối đầy đủ, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng, tác giả chưa đi sâu phân tích cụ thể từng loại thiết bị dạy học hiện nay có đáp ứng về số lượng hay không, các mức độ đáp ứng về chất lượng cũng chưa được tác giả nêu chi tiết. Lê Hồng Hải (2019) nghiên cứu thực trạng về số lượng và chất lượng của PTDH tại các trường tiểu học thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, tác giả chỉ đánh giá chung về mức độ đáp ứng của phương tiện với chương trình, nội dung sách giáo khoa hiện hành; đánh giá chất lượng PTDH đã được trang bị; đánh giá về tính đồng bộ, tính hiện đại, nguồn kinh phí trang bị PTDH.

Vấn đề về số lượng và chất lượng của phương tiện vẫn còn bỏ ngỏ chưa được phân tích cụ thể. Vì vậy, bài báo tiến hành nghiên cứu thực trạng mức độ đáp ứng của PTDH tại các trường tiểu học ở quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ nhằm khảo sát, phân tích về số lượng từng loại phương tiện, đồng thời đánh giá các yêu cầu cần đạt về tính khoa học sư phạm, tính nhân trắc học, tính thẩm mỹ, tính khoa học kỹ thuật và tính kinh tế của PTDH. Những phát hiện này là

cơ sở giúp các nhà quản lý giáo dục đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng PTDH trong nhà trường.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm, phân loại và một số yêu cầu đối với phương tiện dạy học trong trường tiểu học

2.1.1. Khái niệm “phương tiện dạy học”

Theo Lê Huy Hoàng (2008), trong giáo dục nói chung và trường học nói riêng đã và đang sử dụng một số thuật ngữ khác nhau khi nói về phương tiện, thiết bị phục vụ cho quá trình dạy học như: cơ sở vật chất, PTDH, thiết bị dạy học, thiết bị trường học, dụng cụ học tập, giáo cụ trực quan, đồ dùng dạy học, tài liệu, học liệu. Theo Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003, tr 531), “PTDH” (còn gọi là đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học) là một vật thể hoặc một tập hợp các vật thể mà GV sử dụng trong quá trình dạy học để nâng cao hiệu quả của quá trình này, giúp HS lĩnh hội khái niệm, định luật,... hình thành các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ cần thiết”. PTDH là một tập hợp những đối tượng vật chất được GV sử dụng với tư cách là những phương tiện để điều khiển hoạt động nhận thức của HS. Đối với HS, PTDH là nguồn tri thức phong phú, đa dạng, sinh động, là phương tiện để giúp các em lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo” (Trần Lương và Bùi Thị Mùi, 2018). PTDH gồm các thiết bị kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp, được dùng trong quá trình dạy học (Nguyễn Thu Tuấn, 2010). “PTDH là tất cả những phương tiện có khả năng chứa đựng hay truyền tải thông tin về nội dung dạy học nhằm hỗ trợ GV và HS tổ chức và tiến hành hợp lý, có hiệu quả quá trình dạy học để đạt được mục tiêu dạy học” (Lê Thị Cẩm Nhung, 2019).

2.1.2. Các loại phương tiện dạy học trong nhà trường tiểu học

PTDH ở tiểu học gồm nhiều loại hình khác nhau như: vật thật, phiếu học tập, biểu đồ, sơ đồ, hình vẽ, mô hình, dụng cụ, máy chiếu đa năng, máy chiếu vật thể, bảng tương tác, thiết bị dạy học điện tử, các phần mềm dạy học, các bộ phim giáo dục, các nguồn thông tin trên Internet,... Các loại PTDH trong nhà trường tiểu học hiện nay được quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học (Bộ GD-ĐT, 2021).

2.1.3. Một số yêu cầu đối với phương tiện dạy học

Để đánh giá chất lượng của các loại PTDH đã được chế tạo, có thể căn cứ theo năm tính chất sau đây (Tô Xuân Giáp, 1998):

a) *Tính khoa học sư phạm*: PTDH phải đảm bảo HS tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực, phẩm chất) tương ứng với chương trình học, giúp cho GV truyền đạt cho HS các kiến thức phức tạp, kỹ xảo tay nghề một cách thuận lợi, làm cho họ phát triển khả năng nhận thức và tư duy logic. Nội dung và cấu tạo của PTDH phải đảm bảo các đặc trưng của việc dạy lý thuyết, thực hành và các nguyên lý sư phạm cơ bản. PTDH phải phù hợp với nhiệm vụ sư phạm và phương pháp dạy, thúc đẩy khả năng tiếp thu của HS. Các PTDH tập hợp thành bộ phải có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung, bố cục và hình thức trong đó mỗi loại trong một bộ phải có vai trò chỗ đứng riêng. PTDH phải thúc đẩy việc sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) hiện đại và các hình thức tổ chức dạy học tiên tiến.

b) *Tính nhân trắc học*: PTDH dùng biểu diễn trước HS phải đủ lớn để HS ngồi ở hàng ghế cuối lớp cũng nhìn thấy. Các phương tiện dùng cho cá nhân không chiếm nhiều không gian trên bàn học. PTDH phải phù hợp với tâm sinh lý của HS và GV (ví dụ: các phương tiện để GV biểu diễn trên lớp không được quá nặng, quá lớn về kích thước). Màu sắc cũng có tác dụng thông tin. Màu sắc của phương tiện phải hài hòa, không làm chói mắt hay làm cho HS khó phân biệt các chi tiết. Tốt nhất là màu sắc của phương tiện phải gần giống như thật. PTDH phải đảm bảo tất cả các yêu cầu của kỹ thuật an toàn, khi sử dụng không được gây độc hại hay nguy hiểm cho GV và HS.

c) *Tính thẩm mỹ*: PTDH được dùng để biểu diễn trước đám đông hay được dùng cho cá nhân trong thời gian dài, vì vậy PTDH cần phải có tính thẩm mỹ cao và tỉ lệ giữa các đường nét, hình khối phải cân xứng, hài hòa giống như các công trình nghệ thuật. PTDH phải làm cho GV và HS thích thú khi sử dụng, kích thích tính yêu nghề, yêu môn học, nâng cao sự cảm thụ Chân - Thiện - Mỹ.

d) *Tính khoa học kỹ thuật*: Chất lượng vật liệu dùng để chế tạo PTDH phải đảm bảo tuổi thọ cao và độ bền chắc. PTDH phải thể hiện các thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật; phải có kết cấu thuận lợi cho việc bảo quản và chuyên chở.

e) *Tính kinh tế*: Nội dung và đặc tính kết cấu của PTDH sao cho có số lượng phù hợp, chi phí tài chính nhỏ nhất mà đảm bảo hiệu quả sử dụng cao nhất. PTDH phải bền chắc và chi phí bảo quản thấp.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng mức độ đáp ứng của phương tiện dạy học tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

2.2.1. Khái quát chung về khảo sát

- Mục đích khảo sát: Phân tích, đánh giá thực trạng mức độ đáp ứng của PTDH tại các trường tiểu học quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Khách thể khảo sát: 40 CBQL và 150 GV tại 5 trường tiểu học tại quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ (gồm Trường Tiểu học Ngô Quyền (trường loại 1, đạt chuẩn Quốc gia), Trường Tiểu học Võ Trường Toản (trường loại 1, đạt chuẩn Quốc gia), Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (trường loại 1, đạt chuẩn Quốc gia), Trường Tiểu học Thới Bình 1 (trường loại 2, đạt chuẩn Quốc gia), Trường Tiểu học An Lạc (trường loại 3) được chọn để tiến hành khảo sát).

- Phương pháp khảo sát: Bảng hỏi được sử dụng thu thập thông tin về mức độ đáp ứng của PTDH tại các trường tiểu học quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Các dữ liệu định lượng thu được qua phiếu khảo sát được mã hóa và xử lý qua phần mềm SPSS.20. Các câu trả lời được đánh giá theo 5 mức độ, mức độ cao nhất là 5, mức độ thấp nhất là 1, để thuận lợi trong phân tích và đánh giá theo các mức độ, đề tài đã sử dụng thang đo Likert 5 mức độ. Giá trị khoảng cách được tính theo công thức (Maximum-Minimum) : $n = (5-1) : 5 = 0,8$. Như vậy, ý nghĩa của các mức độ sẽ là: Mức độ 1: Từ 1,00-1,80; Mức độ 2: Từ 1,81-2,60; Mức độ 3: Từ 2,61-3,40; Mức độ 4: Từ 3,41-4,20; Mức độ 5: Từ 4,21-5,00.

- Thời gian khảo sát: Từ tháng 4 đến tháng 5/2022.

2.2.2. Thực trạng về số lượng các loại phương tiện dạy học

PTDH đóng nhiều vai trò quan trọng trong quá trình dạy học, giúp HS tiếp thu kiến thức một cách thuận lợi, hiệu quả, phát huy năng lực sáng tạo; hỗ trợ quá trình hình thành tri thức, phát triển các kỹ năng, hứng thú học tập cho các em. Vì thế trong quá trình giảng dạy các loại và số lượng PTDH cần phải được đáp ứng đầy đủ, phù hợp, có chất lượng để đáp ứng việc truyền tải kiến thức trong mỗi nội dung bài học theo đặc trưng của từng môn. PTDH hiện nay tại các trường tiểu học chủ yếu được Sở GD-ĐT TP. Cần Thơ và Phòng GD-ĐT quận Ninh Kiều cấp về theo kế hoạch hàng năm. Để biết được mức độ đáp ứng về số lượng của PTDH, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực trạng với các mức độ: 1- Hoàn toàn không đáp ứng; 2- Không đáp ứng; 3- Đáp ứng 1 phần; 4- Đáp ứng; 5- Hoàn toàn đáp ứng. Kết quả thu được như sau:

Bảng 1. Thực trạng về số lượng các loại PTDH tại các trường tiểu học

TT	Các loại PTDH	SL	CBQL	GV	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	Thiết bị dùng chung	190	3,20	3,23	3,23	0,781	7
2	Thiết bị theo các chủ đề	190	3,30	3,28	3,28	0,620	5
3	Dụng cụ	190	3,40	3,53	3,50	0,703	2
4	Mô hình, mẫu vật	190	3,50	3,47	3,48	0,802	3
5	Bản đồ, lược đồ, sơ đồ	190	3,55	3,53	3,53	0,827	1
6	Tranh, ảnh	190	3,43	3,45	3,45	0,807	4
7	Video/clip	190	3,10	3,13	3,12	0,757	12
8	Phần mềm	190	3,12	3,15	3,14	0,746	11
9	Đầu đĩa	190	3,12	3,10	3,11	0,720	13
10	Máy chiếu	190	3,15	3,15	3,15	0,744	10
11	Tivi	190	2,03	2,00	2,01	0,663	14
12	Máy vi tính để bàn hoặc xách tay	190	3,20	3,18	3,18	0,765	9
13	Thiết bị âm thanh đa năng di động	190	3,15	3,21	3,19	0,796	8
14	Bộ học liệu điện tử	190	3,15	3,10	3,11	0,693	13
15	Thiết bị dạy học môn thể thao tự chọn	190	3,30	3,23	3,25	0,710	6
Tổng cộng		2850	3,18	3,18	3,18	0,565	

CBQL và GV đều cho rằng số lượng PTDH hiện nay mới chỉ đáp ứng được 1 phần (ĐTB=3,18; ĐLC=0,565). Điều đó có thể thấy nhu cầu cần có PTDH trong giảng dạy nhiều hơn số lượng hiện có tại các trường tiểu học.

Trong đó các ý kiến về PTDH như: Bản đồ, lược đồ, sơ đồ (ĐTB=3,53); Dụng cụ (ĐTB=3,50); Mô hình, mẫu vật (ĐTB=3,48); Tranh, ảnh (ĐTB=3,45) thì đáp ứng được về số lượng tại các trường. Các PTDH như: Thiết bị theo chủ đề (ĐTB=3,28); Thiết bị dạy học môn thể thao tự chọn (ĐTB=3,25); Thiết bị dùng chung (3,23); Thiết bị âm thanh đa năng di động (ĐTB=3,19); Máy vi tính (ĐTB=3,18); Máy chiếu (ĐTB=3,15); Phần mềm (ĐTB=3,14);

Video/clip (ĐTB=3,12); Đầu đĩa (ĐTB=3,11); Bộ học liệu điện tử (ĐTB=3,11) thì chỉ đáp ứng được một phần so với nhu cầu. Còn đối với PTDH là tivi (ĐTB=2,01) thì vẫn chưa đáp ứng.

Trong 5 trường khảo sát thì những trường Loại 1, đạt chuẩn Quốc gia có được nguồn đầu tư kinh phí nhiều dành cho việc mua sắm cơ sở vật chất nói chung và các loại PTDH nói riêng đảm bảo hơn về số lượng so với các trường Loại 2, Loại 3. Một số trường vừa được đầu tư của Nhà nước vừa có sự đóng góp xã hội hóa của mạnh thường quân, phụ huynh HS và có sự hỗ trợ của các cấp chính quyền nên được trang bị các loại PTDH hiện đại như: tivi, máy vi tính, máy chiếu đa năng,... tuy nhiên những phương tiện này được hỗ trợ với số lượng chưa nhiều.

Tóm lại, việc trang bị PTDH tại các trường tiểu học, quận Ninh Kiều chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách Nhà nước, số lượng còn thiếu, có PTDH hiện đại nhưng số lượng chưa nhiều.

2.2.3. Thực trạng về mức độ đáp ứng của phương tiện dạy học

Để đánh giá chất lượng của các loại PTDH đã được chế tạo, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực trạng về mức độ đáp ứng của PTDH tại các trường tiểu học với các mức độ: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Đồng ý 1 phần; 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý. Kết quả thu được như sau:

a) Tính khoa học sư phạm

Bảng 2. Thực trạng đáp ứng về tính khoa học sư phạm của PTDH

TT	Tính khoa học sư phạm	SL	CBQL	GV	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	PTDH đảm bảo HS tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng, thái độ (phẩm chất, năng lực) của môn học.	190	4,02	4,01	4,01	0,272	4
2	Nội dung và cấu tạo của PTDH đảm bảo các đặc trưng của việc dạy lý thuyết, thực hành và các nguyên lý sư phạm cơ bản.	190	4,02	3,99	4,00	0,252	5
3	PTDH phù hợp với phương pháp giảng dạy, thúc đẩy khả năng tiếp thu của HS.	190	4,02	4,05	4,05	0,237	3
4	Các PTDH hợp thành một bộ phải có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung, bố cục và hình thức.	190	4,40	4,27	4,29	0,491	2
5	PTDH thúc đẩy việc sử dụng các PPDH hiện đại và các hình thức tổ chức dạy học tiên tiến.	190	4,38	4,29	4,31	0,495	1
Tổng		950	4,17	4,12	4,13	0,266	

Bảng 2 cho thấy, các PTDH hiện nay đều đảm bảo tính khoa học sư phạm (ĐTB=4,13; ĐLC=0,266), phù hợp với đặc điểm từng môn học và tâm - sinh lý của HS tiểu học.

Các đối tượng khảo sát đều đồng ý khi cho rằng PTDH hiện nay đã đáp ứng được các yêu cầu về tính khoa học sư phạm như: Thúc đẩy GV sử dụng các PPDH hiện đại, hình thức dạy học tiên tiến (ĐTB=4,31) từ đó giúp HS có thể phát triển năng lực tư duy, năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề. Các PTDH hợp thành một bộ phải có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung, bố cục, hình thức (ĐTB=4,29), mỗi chi tiết có vai trò và chức năng riêng. PTDH phù hợp với phương pháp giảng dạy, thúc đẩy khả năng tiếp thu của HS (ĐTB=4,05) giúp các em có kiến thức một cách chắc chắn và chính xác. PTDH đảm bảo HS đạt được các kiến thức, kỹ năng, thái độ của môn học (ĐTB=4,01), trong quá trình giảng dạy khi sử dụng PTDH, GV có thể kiểm tra một cách khách quan khả năng tiếp thu kiến thức cũng như sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo của HS. PTDH giúp GV có thể dạy lý thuyết và HS thực hành dễ dàng và hiệu quả (ĐTB=4,00), tiết học trở nên thú vị, cuốn hút, hấp dẫn, gây được sự chú ý của HS.

b) Tính nhân trắc học

Bảng 3. Thực trạng đáp ứng về tính nhân trắc học của PTDH

TT	Tính nhân trắc học	SL	CBQL	GV	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	PTDH không chiếm nhiều không gian khi để trên bàn học.	190	4,00	3,98	3,98	0,363	3
2	PTDH không quá nặng, quá lớn về kích thước.	190	3,98	3,97	3,97	0,363	4
3	Màu sắc của PTDH hài hòa, chân thật, không chói mắt.	190	3,98	4,03	4,02	0,290	2
4	PTDH đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn và không gây độc hại hay nguy hiểm cho GV và HS.	190	4,00	4,04	4,03	0,307	1
Tổng		760	3,98	4,01	4,00	0,259	

Số liệu tổng của bảng 3 cho thấy, CBQL và GV đều cho rằng các PTDH hiện nay đảm bảo được tính nhân trắc học (ĐTB=4,00; ĐLC=0,259).

Trong đó ý kiến PTDH đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn và không gây độc hại hay nguy hiểm cho GV và HS được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4,03), yếu tố tiếp theo được GV quan tâm là màu sắc của PTDH hài hòa, chân thật, không chói mắt (ĐTB=4,02) nhằm thu hút sự chú ý của HS. Bên cạnh đó để phát huy được tính hiệu quả khi trình diễn thì PTDH cần không chiếm nhiều không gian trong lớp học (ĐTB=3,98), cũng không quá nặng, quá lớn về kích thước (3,97).

c) *Tính thẩm mỹ*

Bảng 4. Thực trạng đáp ứng về tính thẩm mỹ của PTDH

TT	Tính thẩm mỹ	SL	CBQL	GV	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	PTDH có tính thẩm mỹ cao, đẹp, màu sắc hài hòa rõ nét.	190	4,40	4,25	4,28	0,497	2
2	PTDH đảm bảo kết cấu, tỉ lệ đường nét, hình khối cân xứng.	190	4,40	4,25	4,28	0,505	3
3	PTDH giúp cho GV và HS thích thú khi sử dụng.	190	4,43	4,27	4,30	0,493	1
4	Kích thích tính yêu nghề, yêu môn học, nâng cao sự cảm thụ cái đẹp.	190	4,43	4,25	4,28	0,507	4
Tổng		760	4,41	4,25	4,29	0,489	

Đa số PTDH được đánh giá đảm bảo tính thẩm mỹ (ĐTB=4,49; ĐLC=0,489). Trong đó các đối tượng khảo sát cho rằng PTDH hiện nay giúp cho GV và HS rất hứng thú khi sử dụng (ĐTB=4,30). PTDH còn có tính thẩm mỹ cao, đẹp màu sắc hài hòa, rõ nét (ĐTB=4,28); đảm bảo kết cấu, tỉ lệ đường nét, hình khối cân xứng (ĐTB=4,28); đồng thời đã kích thích tính yêu nghề, yêu môn học, nâng cao sự cảm thụ cái đẹp cho GV và HS (ĐTB=4,28).

d) *Tính khoa học kỹ thuật*

Bảng 5. Thực trạng đáp ứng về tính khoa học kỹ thuật của PTDH

TT	Tính khoa học kỹ thuật	SL	CBQL	GV	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	Chất lượng vật liệu dùng để chế tạo PTDH đảm bảo tuổi thọ cao.	190	2,35	2,41	2,40	0,896	3
2	PTDH đảm bảo độ bền chắc.	190	2,38	2,37	2,35	0,941	4
3	PTDH có thể hiện các thành tựu mới của khoa học kỹ thuật.	190	3,32	3,15	3,19	0,54	1
4	PTDH có kết cấu thuận lợi cho việc bảo quản và chuyên chở.	190	2,95	3,00	2,99	0,727	2
Tổng		760	2,72	2,74	2,73	0,385	

Bảng 5 cho thấy, PTDH hiện nay chỉ đáp ứng 1 phần về đặc tính khoa học kỹ thuật (ĐTB=2,73; ĐLC=0,385). Các PTDH có thể hiện thành tựu của khoa học kỹ thuật (ĐTB=3,19), điều đó giúp mang đến một lượng lớn thông tin cần thiết cho việc dạy và học (như: các phần mềm dạy học, máy vi tính, máy chiếu,...). Tuy nhiên, một số PTDH chưa có kết cấu thuận lợi cho việc bảo quản và chuyên chở (ĐTB=2,99), PTDH còn tồn diện tích để cất giữ (các mô hình tín hiệu đèn giao thông, mô hình một số phương tiện giao thông, mô hình một số bộ phận cơ thể người,...). Bên cạnh đó, các PTDH được cấp về chưa đảm bảo chất lượng khi dùng các chất liệu có tuổi thọ không cao (ĐTB=2,40), chưa có độ bền chắc (ĐTB=2,35), đồ dùng hay bị rách (tranh ảnh,...), nứt vỡ (chai lọ, khay, mô hình bằng nhựa,...), các thiết bị thí nghiệm nhiều chi tiết nhỏ hay bị thất lạc (dụng cụ thí nghiệm về chất, năng lượng trong môn khoa học,...).

e) *Tính kinh tế*

Bảng 6. Thực trạng đáp ứng về tính kinh tế của PTDH

TT	Tính kinh tế	SL	CBQL	GV	ĐTB	ĐLC	Thứ hạng
1	Đặc tính kết cấu của PTDH có số lượng phù hợp.	190	3,10	3,10	3,04	0,637	4
2	Chi phí tài chính nhỏ nhất mà đảm bảo hiệu quả sử dụng cao nhất.	190	3,33	3,33	3,33	0,590	2

3	PTDH thực hiện được nhiều chức năng trong dạy học.	190	3,43	3,43	3,52	0,579	1
4	Chi phí bảo dưỡng thấp.	190	3,20	3,20	3,23	0,697	3
Tổng		760	3,26	3,26	3,27	0,359	

Có 100% CBQL và GV đều đồng ý một phần khi cho rằng các PTDH hiện nay có đáp ứng được tính kinh tế (ĐTB=3,27; DLC=0,359).

Trong đó, PTDH thực hiện được nhiều chức năng trong giảng dạy (ĐTB=3,52) như: cung cấp kiến thức cho HS, giúp việc giảng dạy của GV được sinh động, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS, góp phần nâng cao tính trực quan của quá trình dạy học. Một số PTDH được sản xuất, chế tạo với chi phí tài chính thấp vẫn mang lại hiệu quả cao, gần gũi, dễ dàng sử dụng (ĐTB=3,33). Đối với ý kiến PTDH có chi phí bảo dưỡng thấp thì CBQL và GV chỉ đồng ý một phần (ĐTB=3,23); một số GV cho rằng PTDH hiện đại như: Máy vi tính, máy chiếu, tivi, các loại nhạc cụ,... khi sử dụng một thời gian dễ bị hư hỏng, vì vậy phải tốn kinh phí để bảo trì, bảo dưỡng. Ý kiến về đặc tính kết cấu của PTDH có số lượng phù hợp cũng chỉ được đồng ý 1 phần (ĐTB=3,04), GV cho rằng một số PTDH đơn giản dễ làm, dễ tìm thì được cấp về với số lượng nhiều gây lãng phí, còn đối với các PTDH phức tạp như mô hình, mẫu vật, dụng cụ thí nghiệm được phân bổ với số lượng ít dẫn đến tình trạng HS các lớp phải thay phiên nhau sử dụng, GV phải tự mua các đồ dùng dạy học bên ngoài gây tốn kém chi phí.

3. Kết luận

PTDH tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ hiện nay chỉ mới đáp ứng được một phần về số lượng và chất lượng, các PTDH chủ yếu được cấp về theo danh mục quy định của Bộ GD-ĐT, có PTDH hiện đại nhưng chưa nhiều, một số phương tiện chưa đáp ứng yêu cầu về tính khoa học kỹ thuật, tính kinh tế như độ bền chắc, tuổi thọ sử dụng thấp, chi phí bảo dưỡng cao. Kết quả nghiên cứu đặt ra cho các nhà quản lý giáo dục là cần tìm ra những biện pháp cải tiến về số lượng và chất lượng PTDH trong nhà trường tiểu học.

PTDH là một thành tố quan trọng của quá trình dạy học. Vì vậy muốn nâng cao chất lượng giáo dục đòi hỏi các nhà quản lý cần đánh giá đúng thực trạng số lượng và chất lượng của từng loại PTDH. Từ đó xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm, bổ sung PTDH kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đặc biệt cần trang bị các PTDH hiện đại như: máy vi tính, máy chiếu, tivi, thiết bị âm thanh di động, phần mềm học tập,... Cần có các biện pháp tổ chức đánh giá, kiểm kê định kỳ để nắm bắt số lượng và chất lượng từng loại phương tiện hiện có cũng như chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên việc sử dụng PTDH, đảm bảo GV có sử dụng, giữ gìn, bảo quản tốt phương tiện nhằm tăng tuổi thọ sử dụng và giảm tối đa các chi phí bảo dưỡng PTDH.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2021). *Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD-ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học*.
- Hà Văn Quỳnh (2020). Một số giải pháp quản lý và sử dụng thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 13-17
- Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003). *Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 3*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Lê Hồng Hải (2019). *Quản lý phương tiện dạy học tại các trường tiểu học thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên*. Luận văn thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Quy Nhơn.
- Lê Huy Hoàng (2008). *Thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Lê Thị Cẩm Nhung (2019). Giới thiệu một số phương tiện dạy học trong dạy học hình học ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12*, 162-165.
- Lillard, P. P. (2014). *Phương pháp Montessori ngày nay*. NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thu Tuấn (2010). Mối quan hệ giữa phương pháp dạy học và phương tiện dạy học trong dạy mỹ thuật. *Tạp chí Giáo dục*, 251, 60-65.
- Tô Xuân Giáp (1998). *Phương tiện dạy học*. NXB Giáo dục.
- Trần Lương, Bùi Thị Mùi (2018). *Giáo trình Giáo dục học*. NXB Đại học Cần Thơ.